

Bản án số: 198/2021/HS-ST

Ngày: 23 - 11 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Sử**

*- Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Trường Hoa**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyện**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Hải Đạt** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 219/2021/TLST-HS, ngày 21 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 702/2021/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

**NGUYỄN THỊ BẠCH H** - sinh năm 1966, tại: Vĩnh Long;

Giới tính: Nữ

Tên gọi khác: không có.

Nơi cư trú: 140/10/9 Đường A1, phường B1, thành phố Cần Thơ;

Chỗ ở: 14/203 Đường B2, phường B4 (nay là T1), thành phố Cần Thơ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa;

Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Thợ thẩm mỹ;

Cha: Nguyễn Thành S, sinh năm 1943 (sống);

Em ruột: có 05 người (lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1978);

Chồng: Lê Văn C7, sinh năm 1965;

Con: có 02 người (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2000);

- Tiền án, tiền sự: Chưa;

Ngày 29/11/2000 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cần Thơ (cũ) khởi tố bị cáo Nguyễn Thị Bạch H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và Quyết định truy nã số 44 ngày 29/11/2000 (H đã bỏ trốn). Ngày 01/3/2003 bị cáo H ra đầu thú, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cần Thơ (cũ) ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo H. Ngày 08/02/2006 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Ninh Kiều ra Quyết định truy nã số 09 đối với bị cáo H theo Yêu cầu truy nã bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, H bị bắt truy nã vào ngày 25/9/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an quận Ninh Kiều.

*Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại:

1. Ông **Lê Ngọc Ch**, sinh năm 1964

Địa chỉ: 93 đường T2, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Ph**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 30 hẻm 3 Đường M, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần  
Thơ.

3. Bà **Hồ Ngọc C1**, sinh năm 1952

Địa chỉ: 21 hẻm 3 M, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Bà **Phạm Thị Phương C2**, sinh năm 1961

Địa chỉ: 79/11 đường V, phường V2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần  
Thơ.

5. Bà **Nguyễn Thị Trung C3**, sinh năm 1957

Địa chỉ: 79/11 V, phường V2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

6. Bà **Nguyễn Thị Thanh C4**, sinh năm 1964

Địa chỉ: số A đường 3/2, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ngân hàng TMCP C5**

Địa chỉ: 110 Đường A1, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị Tố C6**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 14/203 Đường B2, P. T1, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

3. Ông **Lê Văn C7**, sinh năm 1965

Địa chỉ: 34 Đường Tr, P. B1, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (*Bị hại  
và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt*)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bạch H là chủ tiệm massage, gọi đầu tại số 21 Trần Hưng đạo, phường B1, TP. Cần Thơ. Do có sự quen biết nên vào năm 1998 H hỏi vay mượn tiền, vàng của nhiều người thân quen, sau đó không có khả năng thanh toán nên đến tháng 7/2000 H đã bỏ trốn khỏi địa phương đi đâu không rõ. Ngày 28 - 29/11/2000 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cần Thơ (cũ) đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo ra quyết định truy nã bị cáo Nguyễn Thị Bạch H đến ngày 01/3/2003 bị cáo H đến Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Cần Thơ (cũ) đầu thú. Trước Cơ quan điều tra bị cáo H đã thừa nhận chiếm đoạt số tiền của các bị hại như sau:

### **1/ Đối với anh Lê Ngọc Ch:**

Lần 1: Năm 1998 H mở dây hụi 1.000.000 đồng, anh Ch tham gia 03 phần, H mượn anh Ch hốt 03 phần hụi được 36.000.000 đồng.

Lần 2: Năm 1999 H mở dây hụi 500.000 đồng, anh Ch tham gia 02 phần, H mượn anh Ch hốt hết 02 phần được 24.000.000 đồng.

Lần 3: Vào đầu năm 1999, H vay của anh Ch 40.000.000 đồng.

Bị cáo H vay, mượn của anh Ch tổng số tiền 100.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu tiền bán nhà giải quyết cho anh Ch nhận 25.886.322 đồng, H còn nợ anh Ch 74.113.678 đồng.

### **2/ Đối với chị Hồ Ngọc C1:**

Lần 1: Ngày 30/6/2000, H vay của chị C1 03 lượng vàng 24K, thành tiền 15.000.000 đồng, trả góp 36 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng, cả vốn và lãi phải trả là 18.000.000 đồng. H trả được 18 ngày là 9.000.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng chưa trả.

Lần 2: Ngày 08/7/2000, H tiếp tục vay của chị C1 03 lượng vàng 24K, thành tiền 15.000.000 đồng, trả góp 36 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng, cả vốn và lãi phải trả là 18.000.000 đồng. H trả được 10 ngày là 5.000.000 đồng, còn lại 13.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 13/7/2000, H tiếp tục vay của chị C1 03 lượng vàng 24K, thành tiền 15.000.000 đồng, trả góp 36 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng, cả vốn và lãi phải trả là 18.000.000 đồng. H trả được 06 ngày là 3.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng chưa trả.

Bị cáo H vay của chị C1 03 lần là 09 lượng vàng 24K, thành tiền là 45.000.000 đồng, H đã trả được 17.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 28.000.000 đồng. Tiền lãi trong 27 tháng (lãi suất 1%) là 7.560.000 đồng.

Cơ quan điều tra C3 tiền bán nhà giải quyết cho chị C1 nhận 9.755.351 đồng, H còn nợ chị C1 25.804.649 đồng.

### 3/ Đối với chị Phạm Thị Phương C2:

Ngày 17/7/2000 H mượn của chị C2 15.000.000 đồng, hẹn ngày 30/7/2000 trả nhưng H không trả mà bỏ trốn. Cơ quan điều tra thu tiền bán nhà giải quyết cho chị C2 nhận 4.087.314 đồng, H còn nợ của chị C2 10.912.686 đồng.

### 4/ Đối với chị Nguyễn Thị Hồng Ph:

Lần 1: Tháng 3/2000, H vay của chị Ph 15.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, cả vốn và lãi là 18.000.000 đồng, trả góp 36 ngày, H trả lãi được 02 tháng.

Lần 2: Tháng 5/2000, H tiếp tục vay của chị Ph 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, H trả lãi được 02 tháng.

Lần 3: Tháng 6/2000, H mượn của chị Ph 3.000.000 đồng, H chưa trả.

Lần 4: Ngày 20/6/2000, H tiếp tục hỏi vay tiền của chị Ph. Thấy H vay tiền nhiều lần nhưng không trả nên chị Ph nói nếu muốn vay nữa thì phải có gì thế chấp. H lấy (giấy tờ) chiếc xe Altila, biển số 65P1-9659 đưa cho chị Ph lấy 15.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Ngày 20/7/2000, H đem chiếc xe này cầm cho chị Nguyễn Thị Thanh C4 lấy 17.000.000 đồng. H điện thoại bảo chị Ph đến nhà chị C4 chuộc xe về bán, số tiền còn lại tính sau. Chị Ph thỏa thuận với chị C4 chuộc lại chiếc xe với giá 10.500.000 đồng. Chị Ph bán xe cho anh Võ Tấn Thanh được 18.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H nợ chị Ph là 35.500.000 đồng, Cơ quan điều tra thu tiền bán nhà của H giải quyết cho chị Ph nhận 10.000.000 đồng, H còn nợ lại chị Ph 25.500.000 đồng.

Chị C4 không có yêu cầu gì đối với số tiền 6.500.000 đồng mà H còn thiếu.

### 5/ Đối với chị Nguyễn Thị Trung Thu:

Lần 1: Ngày 16/11/1999, H vay của chị C3 15.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. H trả lãi được 04 tháng với số tiền là 6.000.000 đồng.

Lần 2: Tháng 4/2000, H nhờ chị C3 vay giùm 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/ tháng, H trả lãi được 02 tháng với số tiền là 2.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 19/6/2000, H đến cầm cho chị C3 01 chiếc vòng 9 hột xoàn với giá 15.000.000 đồng. Chị C3 bán chiếc vòng cho chị Ngân, nói H mua chiếc vòng được 10.000.000 đồng. Chị C3 và H thỏa thuận trị giá chiếc vòng là 10.000.000 đồng, H còn nợ lại 5.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 26/6/2000, H mang 10.000.000 đồng tiền hụi đến giao cho chị C3 và H hỏi mượn vài ngày sẽ trả nhưng H không trả.

Lần 5: Ngày 15/7/2000, H nói với chị C3 em của H là Nguyễn Thị Tô Nữ có một dây hụi muốn bán, tổng vốn và lãi là 18.000.000 đồng, nếu chị C3 mua thì chỉ bỏ ra 16.800.000 đồng, chị C3 đồng ý. H lấy tiền rồi bỏ trốn, C6 trả góp cho chị C3 được 3.700.000 đồng, H còn nợ lại 13.100.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H còn nợ chị C3 là 53.100.000 đồng, Cơ quan điều tra thu tiền bán nhà của H giải quyết cho chị C3 nhận 18.392.913 đồng, hiện H còn nợ chị C3 34.707.087 đồng

Tổng số tiền H chưa khắc phục là 171.038.100 đồng, trong đó số tiền mà H vay mượn không có khả năng thanh toán là 143.938.100 đồng, số tiền mà H dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt là 27.100.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 203/CT-VKSNK, ngày 18 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Bạch H** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

#### ***Tại phiên tòa:***

*Đại diện Viện kiểm sát* giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đồng thời phân tích tính chất, mức độ, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174, Điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Bạch H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+ Xử phạt: bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Xử phạt: bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù đối với “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt: từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc trả anh Ch số tiền 74.113.678 đồng, chị C1 25.804.649 đồng, chị C2 10.912.686 đồng, chị Ph 25.500.000 đồng, chị C3 34.707.087 đồng.

*Bị cáo* thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ trong lời nói sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ninh Kiều, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tiến hành là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Bạch H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể, bị cáo H vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng sự quen biết với các bị hại: ông Lê Ngọc Ch, bà Hồ Ngọc C1, bà Phạm Thị Phương C2, bà Nguyễn Thị Trung C3 và bà Nguyễn Thị Hồng Ph nên từ năm 1998 đến tháng 7/2000 đã lạm dụng lòng tin để vay mượn tiền, vàng không khả năng thanh toán rồi bỏ trốn, tổng số tiền chiếm đoạt là 143.938.100 đồng. Ngoài ra, H còn dùng lời lẽ gian dối để lừa gạt bà Nguyễn Thị Hồng Ph, bà Nguyễn Thị Thanh C4 và bà Nguyễn Thị Trung C3 với số tiền 27.100.000 đồng.

Hành vi của bị cáo **Nguyễn Thị Bạch H** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện

kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe nhưng không tích cực lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo biết rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được Luật hình sự bảo vệ và xâm phạm đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện học tập, tu dưỡng để trở thành người có ích cho xã hội sau này. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

*[3] Về trách nhiệm dân sự:*

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc trả anh Ch số tiền 74.113.678 đồng, chị C1 25.804.649 đồng, chị C2 10.912.686 đồng, chị Ph 25.500.000 đồng, chị C3 34.707.087 đồng.

Chị C4 không có yêu cầu gì đối với số tiền 6.500.000 đồng mà H còn thiếu nên không đặt ra xem xét.

*[4] Về xử lý vật chứng:*

- *Trả lại cho bị cáo:* 01 Giấy bộ đời người Việt Nam ngày 10/3/1969 (giấy khai sinh ngày xưa); 01 phiếu thu của Bệnh viện TP Thủ Đức ngày 08/7/2021; 01 phiếu kết quả xét nghiệm của Bệnh viện TP Thủ Đức test covid ngày 08/7/2021; 01 CMND số 360949332 cấp ngày 21/01/1992 tên Nguyễn Thị Bạch H; 01 Bằng lái xe cơ giới A1 số IOB205815 cấp ngày 03/11/1995 tên Nguyễn Thị Bạch H; 01 tập học sinh bên trong có nhiều trang trống và 10 trang có chữ ký, chữ viết được đánh số thứ tự từ 01 đến 10 bị cáo H ký ghi tên xác nhận;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 CMND số 361024988 cấp ngày 03/08/2006 tên Lê Thị Như Hạnh;

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động Samsung có Imei 355915/10/072182/8, Imei 355916/10/72182/6 có gắn sim số 0867730908; 01 xe mô tô biển số 59U1-39676. SK JC52E-5200643, SM RLHJC5235CY009377 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174, điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Bạch H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+ Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Bạch H 09 (chín) tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Bạch H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đối với “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt: 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc trả anh Ch số tiền 74.113.678 đồng, chị C1 25.804.649 đồng, chị C2 10.912.686 đồng, chị Ph 25.500.000 đồng, chị C3 34.707.087 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại, nếu bị cáo không thanh toán số tiền trên thì bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Trả lại cho bị cáo: 01 Giấy bộ đời người Việt Nam ngày 10/3/1969 (giấy khai sinh ngày xưa); 01 phiếu thu của Bệnh viện TP Thủ Đức ngày 08/7/2021; 01 phiếu kết quả xét nghiệm của Bệnh viện TP Thủ Đức test covid ngày 08/7/2021; 01 CMND số 360949332 cấp ngày 21/01/1992 tên Nguyễn Thị Bạch H; 01 Bằng lái xe cơ giới A1 số IOB205815 cấp ngày 03/11/1995 tên



Nguyễn Thị Bạch H; 01 tập học sinh bên trong có nhiều trang trống và 10 trang có chữ ký, chữ viết được đánh số thứ tự từ 01 đến 10 bị cáo H ký ghi tên xác nhận;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 CMND số 361024988 cấp ngày 03/08/2006 tên Lê Thị Như Hạnh;

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động Samsung có Imei 355915/10/072182/8, Imei 355916/10/72182/6 có gắn sim số 0867730908; 01 xe mô tô biển số 59U1-39676. SK JC52E-5200643, SM RLHJC5235CY009377 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

*Nơi nhận:*

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. CT;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- Chi cục THADS quận Ninh Kiều;
- Công An quận Ninh Kiều;
- Bị cáo, bị hại;
- NLQ;
- Lưu.

**Nguyễn Quốc Sử**